

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA

SỞ Y TẾ

Số: 619/SYT-NVY

V/v hướng dẫn một số nội dung về
xây dựng kế hoạch và dự toán năm
2020 thực hiện CTMT Y tế-Dân số
(nội dung công tác dân số)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Hóa, ngày 17 tháng 3 năm 2020

Kính gửi:

- Chi cục Dân số-KHHGĐ tỉnh Thanh Hóa;
- Trung tâm Y tế huyện, thị xã, thành phố.

Thực hiện Quyết định 1125/QĐ-TTg ngày 31/7/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chương trình mục tiêu Y tế- Dân số giai đoạn 2016-2020; Kế hoạch 105-KH/TU ngày 08/8/2018 của ban thường vụ tỉnh ủy về kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết 21-NQ-TW của ban chấp hành TW đảng khóa XII về công tác DS trong tình hình mới; Kế hoạch 201/KH-UBND ngày 11/12/2018 của UBND tỉnh Thanh Hóa về kế hoạch triển khai kế hoạch 105-KH/TU ngày 08/8/2018 của Ban Thường vụ tỉnh ủy về công tác dân số trong tình hình mới;

Căn cứ hướng dẫn số 626/BYT-TCDS ngày 13/02/2020 của Bộ Y tế về việc thực hiện kế hoạch công tác dân số năm 2020;

Căn cứ hướng dẫn số 868/TCDS-KHTC ngày 28/11/2019 của Tổng cục Dân số-KHHGĐ về hướng dẫn một số nội dung về xây dựng kế hoạch và dự toán năm 2020 thực hiện CTMT Y tế-Dân số;

Sở Y tế Thanh Hóa hướng dẫn nội dung về xây dựng kế hoạch và dự toán năm 2020 thực hiện CTMT Y tế-Dân số (nội dung công tác dân số) nhằm hoàn thành mục tiêu, chỉ tiêu của chương trình, đề án như sau:

I. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU

1. Mục tiêu

Duy trì mức sinh thay thế, đặc biệt chú trọng giảm sinh ở những vùng có mức sinh cao, vùng khó khăn nhằm đạt mức giảm sinh 0,1‰. Nâng cao chất lượng dân số về thể chất, khống chế tốc độ tăng tỷ số giới tính khi sinh, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2. Chỉ tiêu

- Dân số trung bình: 3.695.126 người.
- Mức giảm tỷ suất sinh : 0,1‰.
- Tỷ suất tăng dân số tự nhiên: 10‰.
- Mức giảm tỷ số giới tính khi sinh: 0,5 điểm %.
- Tỷ lệ sử dụng biện pháp tránh thai(BPTT) hiện đại: 68%.
- Tỷ lệ bà mẹ mang thai được sàng lọc trước sinh: 30% bà mẹ mang thai.
- Tỷ lệ trẻ em mới sinh được sàng lọc sơ sinh: 75% trẻ sinh ra.

- Tổng số người mới sử dụng BPTT hiện đại là 113.920 người. Trong đó miễn phí là: 46.200 người.

- Giảm số vị thành niên, thanh niên mang thai ngoài ý muốn tại địa bàn triển khai mô hình: 10% so với năm 2019.

- Tăng thêm tỷ lệ cặp nam, nữ thanh niên được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn tại địa bàn các huyện đang triển khai: 10% so với năm 2019.

3. Phạm vi thực hiện: Dự án được thực hiện trên phạm vi toàn tỉnh, ưu tiên một số địa phương trọng điểm theo từng hoạt động.

II. DỰ TOÁN KINH PHÍ NĂM 2020

Tổng kinh phí : 7.569.000.000 đồng (Bảy tỷ, năm trăm sáu mươi chín triệu đồng chẵn)

Trong đó:

- Trung ương cân đối về địa phương để chi cho công tác Dân số trong Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số năm 2020 tỉnh Thanh Hóa là: 6.069.000.000 đồng

- Ngân sách tỉnh hỗ trợ: 1.500.000.000 đồng

III. NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG CHỦ YẾU

1. Dự án 3. Dân số và phát triển

1.1. Tầm soát các dị dạng, bệnh tật bẩm sinh và nâng cao chất lượng dân số.

1.1.1. Sàng lọc trước sinh và sơ sinh

Hỗ trợ chi phí sàng lọc trước sinh và sơ sinh cho đối tượng theo quy định:

Đối tượng được hỗ trợ thực hiện dịch vụ sàng lọc, chẩn đoán trước sinh và sơ sinh: là người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội, người dân sống tại các vùng có nguy cơ cao, vùng nhiễm chất độc dioxin và chưa có thẻ BHYT:

Nội dung và mức chi của hoạt động sàng lọc, chẩn đoán trước sinh và sơ sinh:

- Chi khám, siêu âm, xét nghiệm cần thiết để sàng lọc, chẩn đoán trước sinh và sơ sinh theo quy trình chuyên môn y tế do Bộ trưởng Y tế quy định: Mức chi theo giá dịch vụ KCB hiện hành; ngân sách hỗ trợ 34.000 đồng/ trường hợp sàng lọc sơ sinh(bao gồm tiền công lấy mẫu máu gót chân 7.000 đồng/ca, chi tư vấn 15.000 đồng/ca, chi phí gửi mẫu máu 12.000 đồng/ca và 58.900 đồng/ lần thực hiện sàng lọc trước sinh (bao gồm tiền siêu âm 43.900đồng/lần+ 15.000 đồng/lần tư vấn) , mỗi thai phụ thực hiện sàng lọc bằng kỹ thuật siêu âm 2 lần (mỗi lần cách nhau 03 tháng)

- Chi phí gửi thông báo kết quả sàng lọc của đối tượng (bao gồm cả kết quả âm tính hoặc dương tính) theo giá cước dịch vụ bưu điện hiện hành (nếu có)

- Hỗ trợ can thiệp sàng lọc trước sinh và sơ sinh tại địa bàn: hỗ trợ đào tạo, tập huấn kỹ thuật, in ấn sổ sách ghi chép, theo dõi quản lý đối tượng

1.1.2. Tư vấn khám sức khỏe tiền hôn nhân tại cộng đồng

1.1.2.1. Địa bàn triển khai: Tiếp tục duy trì hoạt động tại 30 xã/4 huyện đã triển khai mô hình bao gồm: huyện Đông Sơn, Thiệu Hóa, Hà Trung và Triệu Sơn; mở rộng thêm 16 xã tại 4 huyện Như Xuân, Thường Xuân, Bá Thước và Lang Chánh.

1.1.2.2. Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư 26 và các hướng dẫn chuyên môn về tư vấn và khám sức khỏe tiền hôn nhân.

1.1.2.3. Mục đích: Tư vấn, vận động nam nữ thanh chuẩn bị kết hôn thực hiện khám sức khỏe trước hôn nhân để họ nắm vững được kiến thức, tâm lý đúng cho cuộc sống tình dục vợ chồng; phát hiện và điều trị sớm một số bệnh có ảnh hưởng đến tình dục, mang thai; thực hiện sinh đẻ có kế hoạch một cách hiệu quả nhất và phòng ngừa các bệnh lý dị tật bẩm sinh cho đứa con trong tương lai, chuẩn bị cho người phụ nữ có điều kiện sức khỏe để mang thai và sinh đẻ an toàn về sau để nâng cao nhận thức về phòng chống, điều trị vô sinh, làm mẹ an toàn, trách nhiệm làm cha mẹ, nuôi con khỏe, dạy con ngoan nhằm nâng cao chất lượng dân số

1.1.2.4. Các nội dung hoạt động chính

a. Sinh hoạt câu lạc bộ sức khỏe sinh sản tiền hôn nhân:

Mỗi xã thành lập 01 câu lạc bộ, mỗi câu lạc bộ tổ chức sinh hoạt 02 lần/năm,

- Nội dung: Kiến thức về sức khỏe sinh sản trước hôn nhân, các biện pháp phòng tránh thai an toàn, phòng, chữa bệnh phụ khoa, phòng chống, điều trị vô sinh, làm mẹ an toàn, trách nhiệm làm cha mẹ, nuôi con khỏe, dạy con ngoan.

- Đối tượng đích: Nam, nữ thanh niên chuẩn bị kết hôn và mới kết hôn

- Đơn vị thực hiện: Chi cục Dân số -KHHGD tỉnh phối hợp với Trung tâm Y tế huyện tổ chức triển khai thực hiện.

- Định mức chi: Hỗ trợ báo cáo viên 200.000đồng/buổi, hỗ trợ nước uống 20.000 đồng/buổi/người, hỗ trợ thành lập câu lạc bộ mới 500.000 đồng/CLB

b. Hội nghị cung cấp thông tin về sức khỏe sinh sản tiền hôn nhân : 02 lần/huyện

- Nội dung: Cung cấp các thông tin về sức khỏe sinh sản trước hôn nhân, các biện pháp phòng tránh thai an toàn, phòng, chữa bệnh phụ khoa, phòng chống, điều trị vô sinh, làm mẹ an toàn, trách nhiệm làm cha mẹ, nuôi con khỏe, dạy con ngoan.

- Đối tượng :Lãnh đạo chính quyền đoàn thể, những người thực hiện nhiệm vụ về công tác dân số huyện, xã

- Phương thức thực hiện: Chi cục Dân số-KHHGD tỉnh phối hợp Trung tâm Y tế tổ chức triển khai thực hiện.

c. Nói chuyện chuyên đề cho nhóm đối tượng tiền hôn nhân: 03 cuộc/xã đã triển khai, 02 cuộc/xã mới triển khai

- Nội dung: Cung cấp các thông tin về sức khỏe sinh sản trước hôn nhân, các biện pháp phòng tránh thai an toàn, phòng, chữa bệnh phụ khoa, phòng chống,

điều trị vô sinh, làm mẹ an toàn, trách nhiệm làm cha mẹ, nuôi con khỏe, dạy con ngoan.

- Đối tượng: Nam, nữ thanh niên chuẩn bị kết hôn

- Phương thức thực hiện: Chi cục Dân số -KHHGD tỉnh phối hợp với Trung tâm Y tế huyện tổ chức triển khai thực hiện.

- Định mức chi: Hỗ trợ báo cáo viên 200.000đồng/buổi, hỗ trợ nước uống 20.000 đồng/buổi/người.

d. Tổ chức khám sức khỏe tiền hôn nhân

Nội dung: Tổ chức kiểm tra sức khỏe, tư vấn các nguy cơ sinh con khuyết tật, dị tật cho nam nữ chuẩn bị kết hôn (hỗ trợ xét nghiệm viêm gan B và siêu âm)

Đơn vị thực hiện: Chi cục Dân số - KHHGD tỉnh phối hợp với Trung tâm Y tế huyện tổ chức triển khai thực hiện

Định mức: mỗi xã 30 ca xét nghiệm viêm gan B và 30 ca siêu âm, 53.600 đồng/ca xét nghiệm viêm gan B, 43.900 đồng/ca siêu âm bao gồm cả công xét nghiệm và vật tư tiêu hao.

1.1.3. Nâng cao chất lượng dân số các dân tộc ít người tại cộng đồng:

1.1.3.1. Địa bàn triển khai: Tại 47 xã của 11 huyện Mường Lát, Quan Hóa, Quan Sơn, Lang Chánh, Bá Thước, Thường Xuân, Như Xuân, Thạch Thành, Ngọc Lặc, Cẩm Thủy và Như Thanh.

1.1.3.2. Mục đích:

Can thiệp thay đổi hành vi, tập quán sử dụng dịch vụ Dân số-KHHGD và các loại hình dịch vụ phù hợp với tâm lý, tập quán của người dân tộc thiểu số.

Tăng cường thực hiện chính sách Dân số - kế hoạch hóa gia đình tại vùng các dân tộc ít người, đặc biệt quan tâm đến đối tượng là người dân tộc thiểu số, dân tộc có nguy cơ suy thoái về chất lượng giống nòi, nâng cao chất lượng dân số để góp phần thành công cho các mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội địa phương, giữ vững ổn định chủ quyền dân tộc.

1.1.3.3. Nội dung hoạt động chính:

a. Tổ chức Hội nghị tuyên truyền cung cấp thông tin:

- Nội dung: Cung cấp các kiến thức nhằm giảm tỷ lệ tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống, chăm sóc SKSS/KHHGD, kiến thức về khám sức khỏe trước hôn nhân...

- Đối tượng: Lãnh đạo chính quyền đoàn thể, những người thực hiện nhiệm vụ công tác Dân số-KHHGD cấp huyện, xã, già làng trưởng bản, người có uy tín trong cộng đồng....

- Phương thức thực hiện: Chi cục Dân số-KHHGD tỉnh phối hợp Trung tâm Y tế huyện triển khai thực hiện.

- Nội dung và mức chi: Thực hiện theo Thông tư 26 và các hướng dẫn hiện hành

b. Nói chuyện chuyên đề tại xã: mỗi xã 03 cuộc

- Nội dung: Tuyên truyền các chính sách về chăm sóc sức khỏe bà mẹ trẻ em, về SKSS/KHHGD, SKSS tiền hôn nhân, tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống, sàng lọc chẩn đoán trước sinh, sàng lọc sơ sinh, mất cân bằng giới tính khi sinh, bình đẳng giới

- Đối tượng: vị thành niên, thanh niên, phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ

- Phương thức triển khai: Chi cục Dân số -KHHGD tỉnh phối hợp với Trung tâm Y tế huyện tổ chức triển khai thực hiện.

- Định mức chi bao gồm: Hỗ trợ báo cáo viên 200.000đồng/buổi, hỗ trợ nước uống 20.000 đồng/buổi/người.

c. Sản xuất, cấp phát tài liệu truyền thông về các chính sách dân số - KHHGD trong tình hình mới, đặc biệt chú trọng nội dung nâng cao chất lượng dân số (mất cân bằng giới tính khi sinh, sàng lọc trước sinh và sơ sinh, giảm tỷ lệ tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống, chăm sóc SKSS/KHHGD).

d. Sinh hoạt câu lạc bộ sức khỏe sinh sản tiền hôn nhân, hôn nhân cận huyết thống:

Mỗi xã thành lập 01 câu lạc bộ, mỗi câu lạc bộ tổ chức sinh hoạt 04 lần

- Nội dung: Kiến thức về sức khỏe sinh sản trước hôn nhân, các biện pháp phòng tránh thai an toàn, phòng, chữa bệnh phụ khoa, phòng chống, điều trị vô sinh, làm mẹ an toàn, trách nhiệm làm cha mẹ, nuôi con khỏe, dạy con ngoan, các nguy cơ sinh con bị dị tật, khuyết tật, nguy cơ vô sinh khi kết hôn sớm và cận huyết thống.

- Đối tượng tham dự: Vị thành niên, thanh niên

- Phương thức thực hiện: Chi cục Dân số - KHHGD tỉnh phối hợp với Trung tâm Y tế huyện tổ chức triển khai thực hiện.

- Định mức chi: Hỗ trợ báo cáo viên 200.000đồng/buổi, hỗ trợ nước uống 20.000 đồng/buổi/người

1.2 Tăng cường tư vấn và cung cấp dịch vụ dân số-KHHGD cho vị thành niên/thanh niên.

1.2.1. Địa bàn triển khai:

Triển khai tại 94 trường THPT và THCS của 15 đơn vị gồm: thành phố Thanh Hóa, thị xã Bỉm Sơn, thành phố Sầm Sơn, huyện Quảng Xương, Nga Sơn, Hoằng Hóa, Bá Thước, Nông Cống, Hậu Lộc, Thiệu Hóa, Thọ Xuân, Vĩnh Lộc, Triệu Sơn, Yên Định và Hà Trung.

1.2.2. Mục tiêu:

Triển khai đồng bộ các giải pháp về truyền thông giáo dục, mở rộng đa dạng hóa các kênh cung cấp dịch vụ chăm sóc SKSS/Sức khỏe tình dục và sử dụng BPTT nhằm cải thiện rõ rệt tình trạng SKSS/KHHGD của vị thành niên, thanh niên.

Tập trung tuyên truyền tư vấn chuyên biệt cho vị thành niên, thanh niên, tạo môi trường gia đình, xã hội thân thiện.

Phấn đấu 85% vị thành niên, thanh niên trên địa bàn triển khai đề án được giáo dục, tư vấn và có hiểu biết về chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục.

1.2.3. Nội dung hoạt động chính

a. Tổ chức sinh hoạt ngoại khóa

- Nội dung sinh hoạt ngoại khóa: Cung cấp kiến thức về chăm sóc sức khỏe sinh sản VTN-TN, tâm sinh lý tuổi vị thành niên, tình bạn khác giới, tình yêu lành mạnh, tình dục an toàn, phòng tránh các bệnh lây truyền qua đường tình dục, các biện pháp tránh thai phù hợp lứa tuổi VTN.

- Đối tượng: học sinh lớp 8,9,10,11

- Số lần sinh hoạt: mỗi trường tổ chức sinh hoạt 01 cuộc

- Phương thức thực hiện: Chi cục Dân số -KHHGD tỉnh phối hợp với Trung tâm Y tế huyện tổ chức triển khai thực hiện theo đúng các quy định hiện hành

- Định mức chi bao gồm hỗ trợ báo cáo viên 200.000 đồng/buổi/cuộc và hỗ trợ nước uống 20.000 đồng/đồng/buổi/học sinh

b. Tổ chức thi tìm hiểu SKSS/KHHGD

- Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, và trực tiếp là các trường tổ chức hội thi tìm hiểu về giáo dục dân số, giới tính, SKSS/KHHGD.

c. Tuyên truyền, tư vấn, vận động

- Mục đích: Tuyên truyền, tư vấn vận động nhằm giảm tình trạng mang thai ngoài ý muốn cho vị thành niên/ thanh niên

- Nội dung: Cung cấp kiến thức về chăm sóc SKSS/KHHGD

- Đối tượng: Cha mẹ có con trong độ tuổi vị thành niên/thanh niên.

- Phương thức thực hiện: Chi cục Dân số -KHHGD tỉnh phối hợp với Trung tâm Y tế huyện tổ chức triển khai thực hiện theo đúng các quy định hiện hành.

Nội dung và mức chi : Thực hiện theo Thông tư 26 và các hướng dẫn hiện hành.

d. Truyền thông trên báo đài

- Mục đích: Cung cấp các thông tin về dân số-KHHGD phù hợp với lứa tuổi vị thành niên, thanh niên nhằm giảm tỷ lệ mang thai ngoài ý muốn.

1.3. Tổ chức cung cấp dịch vụ Dân số-Kế hoạch hóa gia đình

1.3.1. Phương tiện tránh thai cấp miễn phí theo phạm vi hướng dẫn của Trung ương.

- Đối tượng ưu tiên cấp miễn phí PTTT là người có đăng ký sử dụng và thuộc một trong các trường hợp sau: Người thuộc gia đình hộ nghèo, cận nghèo; đối tượng bảo trợ xã hội, người dân sống tại xã, huyện có tổng tỷ suất sinh trên 2,3 con, người làm việc trên biển trước khi đi biển dài ngày (từ 15 ngày trở lên) và khi cập bờ vào các âu thuyền tại các xã ven biển có từ 200 người trở lên làm việc trên biển.

Cơ quan đơn vị, cá nhân được giao nhiệm vụ cung cấp PTTT miễn phí có trách nhiệm thông kê, ghi chép đầy đủ danh sách đối tượng theo hướng dẫn hiện hành.

1.3.2. Nguồn phương tiện tránh thai

Các PTTT chủ yếu (dụng cụ tử cung, que cấy tránh thai, tiêm tránh thai) được cung cấp từ nguồn ngân sách trong nước, nguồn hỗ trợ của các tổ chức phi Chính phủ (không có nguồn vốn vay, vốn viện trợ), Chi cục DS – KHHGD tổ

chức cung cấp bằng nhiều hình thức và hướng dẫn phân phối PTTT đảm bảo nhu cầu sử dụng của địa phương.

1.3.3. Chi thực hiện dịch vụ KHHGD: cho đối tượng đặt dụng cụ tử cung, cấy tránh thai, tiêm tránh thai được cấp miễn phí PTTT (thực hiện theo Thông tư 26/2018/TT-BTC) : Mức chi theo giá dịch vụ khám, chữa bệnh hiện hành của cơ quan có thẩm quyền quy định đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập.

Thuốc thiết yếu thực hiện theo Thông tư số 06/2009/TT-BYT ngày 26/6/2009 của Bộ y tế quy định về định mức thuốc thiết yếu và các vật tư tiêu hao trong các dịch vụ, thủ thuật chăm sóc SKSS.

Trong điều kiện nguồn ngân sách năm 2020 chỉ hỗ trợ cho các đối tượng thực hiện dịch vụ miễn phí cho 14.900 ca đặt dụng cụ tử cung, 100 ca cấy tránh thai, 380 ca tiêm tránh thai ; để đạt chỉ tiêu về dịch vụ KHHGD năm 2020 cho các đối tượng, đề nghị các đơn huy động từ các nguồn khác nhằm đảm bảo cung cấp kịp thời dịch vụ KHHGD cho người dân có nhu cầu

Định mức phân bổ kinh phí chi dịch vụ KHHGD:

Áp dụng theo quy định tại công văn số 5811/BYT-TCDS ngày 28/7/2016 ; thông tư 39/2018/TT-BYT ngày 30/11/2018 của Bộ Y tế; Thông tư 13/2019/TT-BYT ngày 5/7/2019 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 39/2018/TT-BYT quy định thống nhất giá dịch vụ khám chữa bệnh BHYT giữa các bệnh viện cùng hạng trên toàn quốc và hướng dẫn áp dụng giá, thanh toán chi phí khám chữa bệnh trong một số trường hợp

Phương thức thực hiện: Trung tâm Y tế huyện triển khai thực hiện đảm bảo cung ứng kịp thời dịch vụ cho các đối tượng nhanh chóng và thuận tiện

1.3.4. Phương thức thanh toán, sử dụng kinh phí chi dịch vụ KHHGD

Chi dịch vụ KHHGD được xác định theo chỉ tiêu số người mới sử dụng BPTT miễn phí được thanh, quyết toán như sau:

- Căn cứ số lượng từng loại thuốc và vật tư tiêu hao theo Thông tư 06/2009/TT-BYT ngày 26/5/2009 và giá mua thực tế theo quy định hiện hành về thuốc thiết yếu, vật tư tiêu hao, chi phí kỹ thuật và quản lý để thanh, quyết toán kinh phí với các đơn vị làm dịch vụ KHHGD.

- Trường hợp các cơ sở y tế công lập thực hiện việc thu viện phí đối với các dịch vụ KHHGD:

+ Nếu mức thu viện phí (bao gồm cả thuốc thiết yếu cấp cho đối tượng sử dụng dịch vụ) phù hợp với định mức phân bổ chi dịch vụ KHHGD thì chi dịch vụ KHHGD được thanh, quyết toán theo số lượng người sử dụng và mức thu viện phí đối với các đơn vị làm dịch vụ KHHGD.

+ Nếu mức thu viện phí cao hơn định mức phân bổ chi dịch vụ KHHGD do địa phương bổ sung chi phí xét nghiệm, dịch truyền, gây mê thì đề nghị ngân sách tỉnh bổ sung chi phí chênh lệch giữa mức thu viện phí và định mức phân bổ của trung ương

Chi cục Dân số-KHHGD tỉnh sẽ ký hợp đồng và thanh quyết toán trực tiếp cho các ca thực hiện dịch vụ đặt Dụng cụ tử cung, cấy tránh thai và tiêm tránh thai cho các đối tượng được miễn phí theo Thông tư 26/2018/TT-BTC.

1.3.5. Phương tiện tránh thai và hàng hóa chăm sóc sức khỏe sinh sản theo hướng tiếp thị xã hội: Thực hiện theo Quyết định số 1372/QĐ-UBND, ngày 20/4/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt đề án “Xã hội hóa phương tiện tránh thai và dịch vụ KHHGD/ sức khỏe sinh sản tại khu vực thành thị và nông thôn phát triển tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2016-2020”

Khuyến khích cán bộ làm công tác DS-KHHGD các xã, thị trấn, nhân viên y tế thôn, bản, CTV dân số tham gia bán lẻ các sản phẩm tiếp thị xã hội PTTT. Các chi phí phân phối sản phẩm, hoa hồng bán lẻ cho mỗi sản phẩm TTXH theo hướng dẫn hiện hành.

1.3.6. Chi hỗ trợ các hoạt động cung cấp dịch vụ: bảo quản, củng cố kho hậu cần các phương tiện tránh thai, nâng cao chất lượng dịch vụ KHHGD tuyến tỉnh

1.4. Kiểm soát tốc độ gia tăng tỷ số giới tính khi sinh;

1.4.1. Địa bàn triển khai: 110 xã /16 đơn vị bao gồm: thành phố Thanh Hóa, huyện Quảng Xương, Nga Sơn, Hoằng Hóa, Nông Cống, Hậu Lộc, Thiệu Hóa, Tĩnh Gia, Thọ Xuân, Vĩnh Lộc, Triệu Sơn, Yên Định, Cẩm Thủy, Ngọc Lặc, Thạch Thành và Quan Hóa. (số xã lựa chọn không trùng với 200 xã đã triển khai của Kế hoạch số 161/KH-UBND ngày 24/10/2016 của UBND tỉnh về kế hoạch thực hiện Đề án kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh giai đoạn 2016-2020)

1.4.2. Mục tiêu: Đẩy mạnh truyền thông, giáo dục nâng cao nhận thức, chuyển đổi hành vi về bình đẳng giới, nêu cao vai trò của phụ nữ trong gia đình và xã hội; chú trọng truyền thông về thực trạng, nguyên nhân và hệ lụy của mất cân bằng giới tính khi sinh, tạo dư luận xã hội phê phán các hành vi lựa chọn giới tính thai nhi. Tuyên truyền nâng cao đạo đức nghề nghiệp, ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ y tế, chấm dứt tình trạng lạm dụng khoa học công nghệ để lựa chọn giới tính thai nhi dưới mọi hình thức, tạo chuyển biến rõ nét ở những vùng có tỷ số giới tính khi sinh cao.

1.4.3. Các hoạt động chủ yếu:

a. Truyền thông đại chúng:

- Ký hợp đồng tuyên truyền trên báo địa phương nhằm cung cấp các thông tin về giới tính khi sinh, bình đẳng giới.

b. Tư vấn nhóm, nói chuyện chuyên đề về giới tính khi sinh: 03 lần/xã

- Nội dung: Tuyên truyền về bình đẳng giới, về giới tính khi sinh, hậu quả, hệ lụy của việc lựa chọn giới tính khi sinh, kinh nghiệm nuôi con ngoan, trò giỏi, chăm sóc bố mẹ, ông bà người cao tuổi trong gia đình

- Đối tượng: Phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ, người có uy tín trong cộng đồng

- Phương thức thực hiện: Chi cục Dân số -KHHGD tỉnh phối hợp với Trung tâm Y tế huyện tổ chức triển khai thực hiện theo quy định.

- Định mức chi bao gồm: Hỗ trợ tiền báo cáo viên 200.000 đồng/buổi, hỗ trợ nước uống 20.000 đồng/buổi/người.

c. Hội nghị truyền thông cung cấp các thông tin về bình đẳng giới và giới tính khi sinh cho lãnh đạo chính quyền đoàn thể cấp huyện, cấp xã:

- Nội dung: cung cấp các thông tin thực trạng về mất cân bằng giới tính khi sinh của cả nước, của tỉnh Thanh Hóa, hậu quả của việc lựa chọn giới tính khi sinh, luật bình đẳng giới nhằm nâng cao nhận thức và thay đổi hành vi về công tác kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh, nâng cao vị thế của phụ nữ và trẻ em gái trong gia đình, cộng đồng và xã hội

- Đối tượng tham dự: Lãnh đạo chính quyền đoàn thể, người có uy tín trong cộng đồng, chức sắc, tôn giáo, những người thực hiện công tác dân số huyện và xã

- Phương thức thực hiện: Chi cục Dân số-KHHGD tỉnh phối hợp với Trung tâm Y tế huyện triển khai thực hiện.

- Định mức chi: Thực hiện theo quy định tại Thông tư 26 và các hướng dẫn, quy định hiện hành

1.5. Kiểm soát dân số các vùng biển, đảo và ven biển:

1.5.1. Địa bàn triển khai: 29 xã/06 huyện biển, ven biển: Hậu Lộc, Nga Sơn, Quảng Xương, Hoằng Hóa, Tĩnh Gia và thị xã Sầm Sơn

1.5.2. Mục tiêu: Kiểm soát quy mô và chất lượng dân số các vùng biển, đảo và ven biển, góp phần thực hiện thắng lợi chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình và các mục tiêu của Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020.

1.5.3. Nội dung hoạt động:

a. Đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe bà mẹ trẻ em/kế hoạch hóa gia đình

Tổ chức đội lưu động y tế - kế hoạch hóa gia đình tuyến huyện để thực hiện công tác truyền thông, tư vấn và cung cấp các dịch vụ chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em, kế hoạch hóa gia đình và chăm sóc sức khỏe sinh sản tại các xã đảo, xã ven biển, xã có trên 5.000 người lao động nhập cư làm việc tại khu công nghiệp, khu chế xuất, khu du lịch, khu kinh tế, cảng biển, âu thuyền, cảng cá chưa đủ điều kiện cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em, sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình thường xuyên và có chất lượng.

- Định mức hỗ trợ đội lưu động huyện được tính theo số xã thực hiện là: 4 người×2 ngày: Hỗ trợ người trực tiếp khám, xét nghiệm 02 người/đội (bao gồm bác sỹ, y sỹ, y tá, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật viên xét nghiệm): Mức hỗ trợ là 125.000 đồng/người/ngày, mức hỗ trợ đối với người phục vụ 02 người/đội: 65.000 đồng/người/ngày.

b. Nâng cao chất lượng dân số khi sinh tại vùng biển, đảo và ven biển:

- Mục đích: Hỗ trợ chăm sóc sức khỏe cho các bà mẹ đang mang thai, nam nữ thanh niên chuẩn bị kết hôn có nguy cơ cao tại vùng ven biển để phòng ngừa các yếu tố nguy cơ cao ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển bình thường của bào thai do tác động của môi trường biển

- Nội dung: hỗ trợ kinh phí khám, kiểm tra sức khỏe, tổ chức xét nghiệm viêm gan B

- Số ca hỗ trợ: 80 ca xét nghiệm viêm gan B/xã, 20 ca siêu âm/xã

- Phương thức triển khai: Chi cục Dân số -KHHGD tỉnh phối hợp với Trung tâm Y tế huyện tổ chức triển khai thực hiện theo quy định..

- Đối tượng được hỗ trợ: Bà mẹ đang mang thai, nam nữ thanh niên có nguy cơ cao.

- Định mức chi thực hiện theo giá khám chữa bệnh thông thường của Bộ Y tế 53.600 đồng/ca, 43.900 đồng/ca siêu âm (bao gồm chi phí thuốc vật tư tiêu hao và công xét nghiệm)

c. Tư vấn trực tiếp 01 lần/xã

Định mức hỗ trợ 130.000 đ/lần (gồm hỗ trợ tiền báo cáo viên và nước uống.

1.6. Các hoạt động hỗ trợ thực hiện công tác dân số

a. Hội nghị triển khai tuyên truyền về công tác Dân số-KHHGD

- Mục đích: Triển khai thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW, các Nghị quyết, Chương trình, kế hoạch hành động; Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030.

- Nội dung: Truyền thông triển khai kế hoạch số 201/KH-UBND ngày 11/12/2018 của UBND tỉnh Thanh Hóa về triển khai kế hoạch hành động số 105-KH/TU ngày 08/8/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về công tác Dân số trong tình hình mới, các các Nghị quyết, Chương trình, kế hoạch hành động; Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030...

- Đối tượng : Người thực hiện nhiệm vụ về công tác Dân số-KHHGD tại xã.

- Phương thức thực hiện: Chi cục Dân số -KHHGD tỉnh triển khai thực hiện

- Định mức chi: Thực hiện theo quy định tại Thông tư 26 và các hướng dẫn, quy định hiện hành

b. Hội nghị triển khai và tổng kết giai đoạn 2016-2020

- Phương thức thực hiện: Chi cục Dân số - KHHGD tỉnh triển khai thực hiện

- Định mức chi: Thực hiện theo quy định tại Thông tư 26 và các hướng dẫn, quy định hiện hành

c. Hỗ trợ các hoạt động chi đào tạo bồi dưỡng, tập huấn nâng năng lực quản lý và nghiệp vụ chuyên môn về dân số-KHHGD do Trung ương tổ chức. Nội dung và định mức chi thực hiện theo các quy định hiện hành về chế độ chi hội nghị và công tác phí.

d. Hoàn thiện cơ chế chính sách, pháp luật về dân số:

Rà soát, đề xuất sửa đổi các quy định không còn phù hợp với mục tiêu duy trì vững chắc, mức sinh thay thế. Đề xuất ban hành về việc đề cao tính tiên phong, gương mẫu của mỗi cán bộ, đảng viên trong việc sinh đủ 2 con, nuôi dạy con tốt, xây dựng gia đình hạnh phúc

2. Dự án 8. Theo dõi kiểm tra, giám sát đánh giá thực hiện chương trình và truyền thông (nội dung công tác Dân số-KHHGD)

2.1. Truyền thông thường xuyên và tăng cường

2.1.1. Mục đích: Tăng cường tuyên truyền, vận động thực hiện các chính sách về chăm sóc sức khỏe sinh sản/ KHHGD, về giới tính khi sinh, về tảo hôn,

hôn nhân cận huyết thống, bằng các hình thức: truyền thông đại chúng, truyền thông nhóm, tư vấn trực tiếp thông qua các cán bộ dân số huyện, xã, cộng tác viên DS-KHHGD đến người dân đang sinh sống tại vùng mức sinh cao, tỷ số giới tính khi sinh cao, vùng các dân tộc ít người:

Nhằm làm thay đổi nhận thức về hành vi sinh sản và kế hoạch hóa gia đình tại khu vực có mức sinh cao.

Nhằm từng bước nâng cao nhận thức của người dân về hậu quả của tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh đối với sự phát triển bền vững của gia đình, cộng đồng và xã hội; làm chuyển biến tích cực về hành vi liên quan đến tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh.

Nhằm can thiệp thay đổi hành vi, tập quán sử dụng các dịch vụ dân số-KHHGD, thay đổi nhận thức về các chính sách dân số-KHHGD để nâng cao chất lượng dân số tại các vùng dân tộc ít người.

2.1.2. Mức phân bổ cho truyền thông Dân số-kế hoạch hóa gia đình, sản xuất nhân bản sản phẩm truyền thông

- Cấp tỉnh: 80 triệu đồng/tỉnh
- Đối với huyện có mức sinh cao là 4.000.000 đồng/huyện
- Đối với huyện có tỷ số giới tính khi sinh cao: 4.000.000 đồng/huyện
- Đối với huyện triển khai nâng cao chất lượng dân số: 4.000.000/huyện
- Truyền thông nội dung các chính sách dân số và phát triển trong tình hình mới: Tuyên truyền các chỉ thị, nghị quyết, chiến lược ...: 150 triệu đồng/tỉnh

2.1.3. Các nội dung hoạt động chính

a. Truyền thông vùng mức sinh cao

Nhiệm vụ và giải pháp:

Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, giáo dục về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Nội dung truyền thông, giáo dục phải chuyển mạnh sang chính sách dân số và phát triển.

Tiếp tục thực hiện cuộc vận động mỗi cặp vợ chồng nên có 2 con, bảo đảm quyền và trách nhiệm trong việc sinh con và nuôi dạy con tốt. Tập trung vận động sinh ít con hơn ở vùng, đối tượng có mức sinh cao

Đổi mới toàn diện nội dung, chương trình, phương pháp giáo dục dân số, sức khỏe sinh sản. Hình thành kiến thức và kỹ năng về dân số sức khỏe sinh sản đúng đắn có hệ thống ở thế hệ trẻ

Tăng cường tuyên truyền, vận động thực hiện các chính sách về chăm sóc sức khỏe sinh sản/ KHHGD, bằng các hình thức: truyền thông đại chúng, truyền thông nhóm, tư vấn trực tiếp thông qua các cán bộ dân số huyện, xã, cộng tác viên DS-KHHGD đến người dân đang sinh sống tại vùng mức sinh cao

Nhằm làm thay đổi nhận thức về hành vi sinh sản và kế hoạch hóa gia đình tại khu vực có mức sinh cao để ổn định quy mô dân số. Chủ động nâng cao chất lượng dân số về thể chất, trí tuệ, tinh thần

b. Truyền thông vùng tỷ số giới tính khi sinh cao

Nhiệm vụ và giải pháp

Đổi mới nội dung tuyên truyền

Xây dựng các hình thức tuyên truyền về giới tính khi sinh nhằm nâng cao nhận thức, thực hành về bình đẳng giới; đẩy mạnh truyền thông giáo dục chuyên đổi hành vi nhằm giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh

Tạo chuyên biến rõ nét ở những vùng có tỉ số giới tính khi sinh cao, từng bước nâng cao nhận thức của người dân về hậu quả của tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh đối với sự phát triển bền vững của gia đình, cộng đồng và xã hội; làm chuyên biến tích cực về hành vi liên quan đến tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh.

c. Truyền thông vùng các dân tộc ít người

Nhiệm vụ và giải pháp

Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, giáo dục về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Nội dung truyền thông, giáo dục phải chuyên mạnh sang chính sách dân số và phát triển, nâng cao trách nhiệm trong việc sinh con và nuôi dạy con tốt. Tập trung vận động sinh ít con hơn ở vùng các dân tộc ít người

Đổi mới toàn diện nội dung, chương trình, phương pháp giáo dục dân số, sức khoẻ sinh sản, tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống, nâng cao nhận thức về thực hành về bình đẳng giới. Hình thành kiến thức và kỹ năng về dân số, sức khoẻ sinh sản đúng đắn, có hệ thống ở thế hệ trẻ.

Đổi mới nội dung tuyên truyền, xây dựng các hình thức tuyên truyền nhằm can thiệp thay đổi hành vi, tập quán sử dụng các dịch vụ dân số-KHHGD, thay đổi nhận thức về các chính sách dân số-KHHGD để nâng cao chất lượng dân số tại các vùng dân tộc ít người.

d. Nội dung và định mức chi:

Các đơn vị căn cứ tình hình thực tế của đơn vị để xây dựng kế hoạch hoạt động cụ thể chi tiết theo đúng các quy định về nội dung và định mức chi hiện hành và phù hợp với từng hoạt động cụ thể của đơn vị .

Một số nội dung, định mức cụ thể

- Chi hỗ trợ biên tập các nội dung truyền thông tại cộng đồng: 80.000 đồng/tin từ 350 từ đến 600 từ, chi phát thanh 15.000 đồng/lần phát thanh.

- Chi sản xuất băng zôn để tăng cường nội dung thông tin, tuyên truyền của đề án: Trường hợp đã có chi phí, đơn giá do cơ quan có thẩm quyền ban hành thì áp dụng định mức chi phí đơn giá đó, trường hợp chưa có đơn giá thì Thủ trưởng đơn vị chịu trách nhiệm lựa chọn theo thời giá tại địa phương, đảm bảo tiết kiệm hiệu quả trong phạm vi dự toán được giao

- Chi tổ chức nói chuyện chuyên đề, tọa đàm, các lớp giáo dục truyền thông. Nội dung và định mức chi bao gồm hỗ trợ chi báo cáo viên 200.000 đồng/buổi; hỗ trợ nước uống 20.000 đồng/người/buổi, hỗ trợ thuê địa điểm, bàn ghế, phong, bạt (nếu có), mức chi thực hiện theo hợp đồng (hoặc giá thị trường)

2.2. Vẫn tiếp tục duy trì, hoàn thiện hệ thống cung cấp thông tin chuyên ngành Dân số-KHHGD: Hàng tháng, nhân viên y tế thôn, bản, CTV dân số thu

thập, cập nhật thông tin vào sổ A₀ để theo dõi, quản lý và lập phiếu thu tin gửi cán bộ DS-KHHGD cấp xã. Cán bộ xã được giao nhiệm vụ thực hiện công tác dân số thăm định, chỉnh sửa thông tin trong phiếu thu tin và gửi lên huyện.

Các đơn vị chủ động bố trí kinh phí cho từng nội dung cụ thể để đảm bảo duy trì và quản trị kho dữ liệu hoạt động có hiệu quả

2.3. Kiểm tra, giám sát:

Tăng cường công tác kiểm tra giám sát về tình hình thực hiện công tác dân số tại các cấp.

IV. Tổ chức thực hiện:

- Trên cơ sở dự kiến chỉ tiêu, kinh phí phân bổ và nội dung hoạt động chủ yếu nêu trên. Chi cục Dân số-KHHGD tỉnh, Trung tâm Y tế huyện thị xã, thành phố chủ động xây dựng kế hoạch và dự toán chi tiết ngân sách năm 2020 thực hiện chương trình mục tiêu Y tế - Dân số phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, đề xuất với cơ quan có thẩm quyền tại địa phương bổ sung ngân sách, để đảm bảo thực hiện chỉ tiêu, nhiệm vụ kế hoạch công tác Dân số - KHHGD.

- Trung tâm Y tế huyện, thị xã, thành phố định kỳ báo cáo kết quả hoạt động về Chi cục Dân số-KHHGD, báo cáo 06 tháng gửi trước ngày 15/6/2020, báo cáo năm gửi trước ngày 15/12/2020 và báo cáo đột xuất khi có yêu cầu.


- Chi cục Dân số - KHHGD tổng hợp, báo cáo Sở Y tế (qua phòng Nghiệp vụ Y), báo cáo 06 tháng trước ngày 25/6/2020, báo cáo năm trước ngày 25/12/2020 và báo cáo đột xuất khi có yêu cầu.

Nhận được văn bản này, đề nghị các đơn vị nghiêm túc triển khai, thực hiện./

Nơi nhận:

- Tổng cục DS-KHHGD (báo cáo);
- Giám đốc Sở (b/c);
- Sở Tài Chính (b/c);
- Chi cục Dân số-KHHGD (t/h);
- Trung tâm Y tế huyện, thị xã, thành phố (t/h);
- Lưu: VT, NVYLT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Bá Cẩn